

Bản án số: 10 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 3 - 2023.

V/v: tranh chấp Hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Ôn và ông Bùi Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Tú Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 135/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 04/2023/QĐ-ST ngày 15/3/2023 của TAND huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: xóm P, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1988
Nơi ĐKKHKT: xóm P, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn Bùi Thị H trình bày: chị kết hôn với anh Bùi Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lương (Nay là xã Quyết Thắng), huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày 29/8/2011. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về cùng chung sống với nhau tại xóm P, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn gia đình nguyên nhân do chị H phát hiện anh T có sử dụng trái phép chất ma túy và đã bị nghiện ma túy, bao nhiêu tài sản, đồ đạc trong nhà anh T đem bán hết lấy tiền tiêu sài cá nhân. Vì thương con nên chị H đã cố gắng chịu đựng và KH bảo anh T từ bỏ

ma túy để làm lại cuộc đời, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được, anh T không những thay đổi mà ngày càng lún sâu vào ma túy chính vì thế mà cuộc sống, tình cảm vợ chồng lâm vào tình cảnh mâu thuẫn, bế tắc; đến năm 2019 vợ chồng chị H anh T ly thân nhau cho đến nay đã hơn 4 năm và không ai quan tâm đến nhau nữa, anh T không hề quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con. Nay nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục, hôn nhân không thể kéo dài nên chị H đề nghị Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: chị H và anh T có sinh được 01 con chung là Bùi Thị Huyền T, sinh ngày 11/9/2011 từ trước đến nay cháu sinh sống cùng với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T vì cháu sống cùng chị T đã ổn định nơi ăn, chốn ở và học tập; anh T không có trách nhiệm với con.

Chị H chưa có yêu anh Bùi Văn T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có

Bị đơn Bùi Văn T: Kể từ khi nhận đơn khởi kiện Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ cho anh T nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt mà không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa, kiểm sát viên Trần Tú Giang phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Bị đơn Bùi Văn T: không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ cho anh T. Việc anh T có tình vắng mặt không có lý do chính đáng thể hiện anh T tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến trực tiếp tại phiên tòa xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T là hợp pháp; nhưng cuộc sống gia đình thực sự đã mâu thuẫn trầm trọng; vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau nữa và đã ly thân nhau hơn 4 năm nay; đời sống chung không thể tiếp tục; mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T.

Về con chung xác định vợ chồng chị H anh T có 01 con chung là cháu Bùi Thị Huyền T, sinh ngày 11/9/2011 hiện cháu đã hơn 11 tuổi và hiện đang sống ổn định cùng mẹ là chị H, đồng thời chị H cũng bảo đảm việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T; bên cạnh đó bản thân cháu T cũng trình bày nguyện vọng muốn được sống cùng chị H; Còn bản thân anh Sơn có lỗi sống buông thả, có biểu hiện việc sử dụng và nghiện ma túy, sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con

nên đề nghị HĐXX xem xét giao con cháu Bùi Thị Huyền T cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị H chưa yêu cầu tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị HĐXX không giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung, công nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn anh Bùi Văn T có hộ khẩu thường trú tại Nơi ĐKKTTT: xóm P, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên vắng mặt bị đơn, đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 BLTTDS. Bị đơn anh Bùi Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Tương theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân* : Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do anh T sống buông thả, thiếu bản lĩnh nên đã sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, không lo tu dưỡng bản thân, lao động, kiếm tiền nuôi vợ con và xây dựng hạnh phúc gia đình, sống thiếu trách nhiệm. Vợ chồng đã phải sống ly thân nhau thời gian dài và trong thời gian ly thân, chị H anh T cũng không quan tâm đến nhau nữa mà bỏ mặc ai sống thế nào cũng được. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Thiện là phù hợp Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*: vợ chồng chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T có 01 con chung tên là Bùi Thị Huyền T, sinh ngày 11/9/2011 hiện đang sống ổn định cùng chị H. Khi ly hôn, chị H có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T đến khi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy chị Bùi Thị H hiện đang làm công nhân công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định bản thân có đủ tư cách đạo đức, chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng – Pháp luật nhà nước, đủ khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con cái và ý nguyện của con chung muốn được chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các con chung cần giao Bùi Thị Huyền T cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 09/2022 trở đi cho đến khi đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp.

Bị đơn Bùi Văn T hiện đang làm nghề tự do, không xác định rõ công việc; theo kết quả xác minh tại nơi cư trú thì anh T có sử dụng trái phép chất ma túy, hiện đang trong diện theo dõi của chính quyền, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú; có các mối quan hệ xã hội phức tạp, thiếu lành mạnh.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H chưa có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị H trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về nợ chung của vợ chồng: Xác định không có.

[6] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 235; 271; 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H đối với anh Bùi Văn T về việc: "Ly hôn".

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Thị Huyền T sinh ngày 11/9/2011 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Bùi Văn T chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn Bùi Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: : Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004372 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; chị Bùi Thị H đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được niêm yết công khai hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Quyết Thắng – Lạc Sơn – HB;
(Nơi đăng ký kết hôn ngày 29/8/2011)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lò Văn Dần